

Số: 13 /CT-UBND

Hà Nội, ngày 19 tháng 6 năm 2013.

**CHỈ THỊ**  
**Về việc tập trung cải thiện chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI)**  
**của Thành phố Hà Nội**

Theo kết quả điều tra của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2012 Hà Nội đạt 53,4 điểm, giảm 4,9 điểm so với năm 2011 và xếp ở vị trí thứ 51/63 (giảm 15 bậc xếp hạng so với năm 2011), nằm ở tốp cuối của hạng khá.

Tiếp tục thực hiện các giải pháp về phát triển kinh tế - xã hội và Kế hoạch số 141/KH-UBND ngày 08/12/2011 của UBND Thành phố về nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh của Thành phố Hà Nội giai đoạn 2011-2015, để cải thiện môi trường đầu tư, hỗ trợ doanh nghiệp thúc đẩy sản xuất, kinh doanh; Chủ tịch UBND Thành phố yêu cầu Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị nâng cao nhận thức, trách nhiệm, sự năng động của lãnh đạo các cấp và đội ngũ cán bộ, công chức trong việc hỗ trợ doanh nghiệp, cải thiện môi trường đầu tư, tập trung tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp để thúc đẩy phát triển sản xuất kinh doanh; xác định đây là nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2013 và là nhiệm vụ thường xuyên của Thành phố. Cụ thể như sau:

**I. Các giải pháp chung**

Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành, Chủ tịch UBND các quận, huyện, thị xã tổ chức quán triệt tới cán bộ, công chức về nhiệm vụ, giải pháp về nâng cao chỉ số PCI trong năm 2013 và các năm tiếp theo. Tập trung cải thiện chỉ số PCI trên cơ sở duy trì và cải thiện hơn nữa các chỉ số đã thực hiện tốt, chỉ số hiện còn ở mức trung bình, chỉ đạo triển khai thực hiện các giải pháp trọng tâm sau:

1. Thực hiện nghiêm túc việc xây dựng các kế hoạch chi tiết, biện pháp nâng cao chỉ số PCI theo kế hoạch và chỉ đạo của Thành phố (*phụ lục đính kèm*); Tập trung quyết liệt cải thiện 5 chỉ số thành phần xếp hạng thấp năm 2012 để có chuyển động năm 2013.

2. Tăng cường cải cách hành chính, trọng tâm là thực hiện tốt việc giải quyết thủ tục hành chính, tăng cường thực hiện tốt hơn cơ chế một cửa, một cửa liên thông. Rà soát, bãi bỏ các giấy phép, giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh không cần thiết. Rút ngắn nhất có thể thời gian thực hiện việc cấp giấy phép đăng ký sau giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Đấu tranh chống các biểu hiện tiêu cực, phiền hà, nhũng nhiễu trong giải quyết thủ tục hành chính. Thực hiện nghiêm túc Chỉ thị 01/CT-UBND ngày 04/01/2013 của Chủ tịch



UBND Thành phố về Năm kỷ cương hành chính - 2013. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra công vụ.

3. Triển khai nhanh công tác rà soát, xây dựng các cơ chế, chính sách của Thành phố theo kế hoạch đã đề ra đảm bảo thông thoáng, phù hợp với các luật, nghị định mới ban hành, đặc thù của Hà Nội theo Luật Thủ đô và yêu cầu của hội nhập kinh tế quốc tế.

4. Tập trung tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, triển khai hiệu quả Chương trình hành động số 22/CTr-UBND ngày 29/01/2013 của UBND Thành phố về thực hiện các Nghị quyết số 01/NQ-CP và 02/NQ-CP ngày 07/01/2013 của Chính phủ về những giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2013 và tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, hỗ trợ thị trường, giải quyết nợ xấu.

5. Thực hiện tốt công tác thông tin, tuyên truyền, đăng tải công khai minh bạch trên các phương tiện thông tin đại chúng, các trang thông tin điện tử của Thành phố và các đơn vị về các quy định của luật pháp, cơ chế chính sách, các quy hoạch, kế hoạch, ngân sách, các thủ tục hành chính ...

## **II. Các giải pháp cụ thể cải thiện từng chỉ số**

**1. Duy trì và cải thiện hơn các chỉ số đã thực hiện tốt, chỉ số hiện đang ở mức trung bình**

### **a) Chỉ số Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp**

- Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Công thương, Sở Tài chính, Cục thuế, Cục Hải quan, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường Ngân hàng Nhà nước - Chi nhánh thành phố Hà Nội, Ban quản lý Khu công nghiệp và chế xuất, Quỹ Đầu tư phát triển, Hiệp hội doanh nghiệp Hà Nội, Hiệp hội doanh nghiệp nhỏ và vừa Hà Nội tập trung triển khai các biện pháp tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp theo nhiệm vụ đã được phân công, Chương trình hành động số 22/CTr-UBND ngày 29/01/2013 của UBND Thành phố, Kế hoạch số 51/KH-UBND ngày 21/3/2013 và Kế hoạch hoạt động của Ban chỉ đạo tháo gỡ khó khăn thúc đẩy sản xuất kinh doanh cho doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội. Xác định đây là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt trong năm 2013, trọng tâm vào các nhóm giải pháp: Hỗ trợ thị trường, giải quyết hàng tồn kho; Hỗ trợ vay vốn, lãi suất; Thực hiện chính sách tài khoá như: giãn hoãn các khoản thuế theo Nghị quyết của Chính phủ, Thông tư của Bộ Tài chính; Tháo gỡ thị trường bất động sản trên địa bàn.

- Giao Sở Công Thương chủ trì nâng cao chất lượng hiệu quả chương trình xúc tiến thương mại nhằm tăng cường khả năng xuất khẩu, đồng thời mở rộng thị trường trong nước; tổ chức các hội chợ thương mại theo kế hoạch.

### **b) Chỉ số Đào tạo lao động**

- Giao Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND các quận huyện, thị xã thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước và nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông - đào tạo nghề trên địa bàn Thành phố.

- Giao Sở Lao động, Thương binh và Xã hội vận hành hiệu quả hệ thống thông tin thị trường lao động. Nâng cao hiệu quả hoạt động của Trung tâm giới thiệu việc làm và Sàn giao dịch việc làm. Phát triển website "vieclamhanoi.net", tạo điều kiện để các doanh nghiệp tra cứu thông tin việc làm trực tuyến rộng rãi, miễn phí các thông tin tuyển dụng cho người lao động.

### **c) Chỉ số Chi phí gia nhập thị trường**

- Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Cục thuế và Công an Thành phố tiếp tục thực hiện tốt thời gian làm thủ tục đăng ký thành lập doanh nghiệp, cấp mã số thuế và dấu (5 ngày làm việc theo quy định). Xây dựng thực hiện và hướng dẫn cụ thể theo hướng "cầm tay, chỉ việc" cho các tổ chức, công dân khi làm thủ tục đăng ký kinh doanh (ĐKKD), cấp mã số thuế và dấu. Kiến nghị với Bộ KH&ĐT để hoàn thiện phần mềm hệ thống thông tin đăng ký kinh doanh doanh nghiệp để thực hiện ĐKKD qua mạng, đơn giản hoá thủ tục ĐKKD.

- Giao các sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện, thị xã rà soát, bãi bỏ các giấy phép, giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh không cần thiết. Rút ngắn nhất có thể thời gian thực hiện việc cấp giấy phép đăng ký sau giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Giao Sở Nội vụ kiểm tra, đôn đốc tình hình và kết quả triển khai thực hiện.

- Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND các quận, huyện, thị xã rà soát, cải tiến, rút ngắn thời gian cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

### **d) Chỉ số Tính minh bạch và tiếp cận thông tin**

- Giao Văn phòng UBND Thành phố, các sở, ban ngành, UBND các quận, huyện, thị xã công khai 100% thông tin, tài liệu: các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, các quy hoạch; các văn bản quy phạm pháp luật của Thành phố, các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng mới, các chính sách ưu đãi đầu tư của Thành phố,... Công khai quy trình, thủ tục hành chính và các biểu mẫu hướng dẫn bằng nhiều hình thức: niêm yết tại trụ sở, đưa lên trên trang thông tin điện tử. Các biểu mẫu hướng dẫn phải đúng quy định, đầy đủ, dễ thực hiện và thường xuyên được cập nhật. Tăng tính hữu ích của trang web Hanoiportal và website của các các sở, ngành, quận, huyện trong công khai minh bạch các loại thông tin, tài liệu. Sở Thông tin và truyền thông theo dõi, kiểm tra, đôn đốc tình hình triển khai thực hiện.

- Giao các sở, ban, ngành là cơ quan chủ trì xây dựng cơ chế, chính sách phối hợp với các hiệp hội doanh nghiệp lấy ý kiến doanh nghiệp bằng hình thức phù hợp trong việc tham gia xây dựng cơ chế, chính sách của Thành phố.

- Giao Cục Thuế tiếp tục triển khai mở rộng một số đề án, dự án quản lý thuế hiện đại như triển khai mở rộng dự án Kế khai thuế qua mạng Internet, dự án nộp thuế qua ngân hàng, triển khai dự án nộp thuế điện tử. Tăng cường công tác tuyên truyền, hỗ trợ và cung cấp dịch vụ cho người nộp thuế. Nâng cao năng lực hoạt động thanh tra, kiểm tra, giám sát tuân thủ pháp luật của người nộp thuế. Xây dựng đội ngũ cán bộ có đầy đủ năng lực, kiến thức chuyên môn, kỹ năng thành thạo, tận tâm trong công việc và thân thiện với người nộp thuế.

## **2. Tập trung cải thiện các chỉ số nhiều năm có xếp hạng thấp và chỉ số năm 2012 có sự sụt giảm mạnh**

### **a) Chỉ số Tiếp cận đất đai và sự ổn định trong sử dụng đất**

- Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND các quận, huyện, thị xã đẩy nhanh tiến độ, nâng cao tỷ lệ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với tổ chức, cá nhân trên địa bàn Thành phố. Xây dựng kế hoạch cụ thể, giao chỉ tiêu kế hoạch, tăng cường công tác đôn đốc, kiểm tra việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đến từng xã, phường, thị trấn. Hoàn thiện Quy hoạch và Kế hoạch sử dụng đất.

- Giao Ban chỉ đạo giải phóng mặt bằng, Sở Tài chính, UBND các quận, huyện thị xã thực hiện tốt quy định về đền bù giải phóng mặt bằng của Thành phố mới ban hành.

- Giao Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng và ban hành khung giá đất sát với giá thực tế trên thị trường.

- Giao Sở Quy hoạch Kiến trúc chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan hoàn thiện các quy hoạch phân khu.

- Giao các Sở: Quy hoạch Kiến trúc, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Tài chính; UBND các quận, huyện, thị xã rà soát, thực hiện giải quyết thủ tục hành chính: quy hoạch, chấp thuận dự án đầu tư, chứng nhận đầu tư, giao và cho thuê đất, GPMB. Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của CBCC và các cơ quan có liên quan.

- Giao Ban quản lý các Khu công nghiệp và chế xuất, UBND các quận, huyện, thị xã khai thác tốt các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, tạo điều kiện thuận lợi về quỹ đất cho doanh nghiệp để sản xuất kinh doanh.

### **b) Chỉ số Chi phí thời gian để thực hiện các quy định của Nhà nước**

- Giao các sở, ban, ngành và UBND quận, huyện, thị xã rà soát, xây dựng, sửa đổi quy trình để giảm thiểu các quy trình, thủ tục không cần thiết. Tăng cường công tác cải cách hành chính; sự phối hợp giữa các cấp, các ngành. Thực hiện tốt mô hình một cửa, một cửa liên thông. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành, giải quyết thủ tục hành chính. Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO vào hoạt động của tất cả các cơ quan. Giao Sở Nội vụ tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra công vụ; theo dõi, kiểm tra, đôn đốc tình hình triển khai thực hiện.

- Giao các sở, ban, ngành triển khai nhanh công tác rà soát, xây dựng các cơ chế, chính sách của Thành phố theo kế hoạch đã đề ra đảm bảo thông thoáng, phù hợp với các luật, nghị định mới ban hành, đặc thù của Hà Nội theo Luật Thủ đô và yêu cầu của hội nhập kinh tế quốc tế.

### **c) Chỉ số Chi phí không chính thức**

Giao các sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện, thị xã quán triệt tới cán bộ, công về nâng cao tinh thần trách nhiệm, ý thức thực thi công vụ trong việc tiếp xúc, giải quyết công việc liên quan đến tổ chức, công dân. Tăng cường

thanh tra công vụ trong mỗi đơn vị. Xử lý nghiêm những cá nhân, đơn vị và địa phương tùy tiện đặt ra các quy định trái pháp luật, thẩm quyền. Kiên quyết xử lý những hành vi kéo dài thời gian giải quyết hồ sơ, gây phiền hà, những nhiễu đối với nhân dân và doanh nghiệp. Sở Nội vụ theo dõi, kiểm tra, đôn đốc tình hình triển khai, thực hiện.

#### **d) Chỉ số Tính năng động và tiên phong của chính quyền**

- Giao Văn phòng UBND Thành phố chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tổ chức Hội nghị quán triệt, triển khai thực hiện Kế hoạch nâng cao chỉ số PCI đến tất cả các sở, ngành, quận, huyện, thị xã đề nâng cao nhận thức, trách nhiệm, sự năng động, sáng tạo và tiên phong của lãnh đạo các cấp chính quyền và đội ngũ cán bộ công chức trong việc hỗ trợ doanh nghiệp.

- Giao các sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện, thị xã thường xuyên bồi dưỡng, đào tạo CBCC nắm vững các chính sách, quy định hiện hành trong khung khổ pháp luật để vận dụng giải quyết khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp được kịp thời, hiệu quả. Tiếp tục duy trì và phát huy có hiệu quả hơn nữa mô hình “*Tổ công tác liên ngành*” trong giải quyết các vướng mắc, khó khăn của doanh nghiệp. Sở Nội vụ theo dõi, kiểm tra, đôn đốc tình hình triển khai, thực hiện.

- Giao Sở Công thương chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu cho Lãnh đạo thành phố định kỳ tổ chức đối thoại với doanh nghiệp bằng nhiều hình thức: tổ chức Hội nghị, giao lưu trực tuyến, diễn đàn trao đổi giữa lãnh đạo Thành phố với các Hiệp hội. Qua đó xử lý kịp thời những khó khăn, vướng mắc trong quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

#### **đ) Chỉ số Thiết chế pháp lý**

- Giao các sở, ban, ngành nâng cao chất lượng văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND Thành phố; Sở Tư pháp theo dõi, kiểm tra, đôn đốc tình hình triển khai thực hiện.

- Giao các sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện, thị xã củng cố, kiện toàn tổ chức, hoạt động của đội ngũ cán bộ làm công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo theo hướng chuyên nghiệp, ổn định; thường xuyên đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ và có chính sách đãi ngộ phù hợp. Có cơ chế giám sát và kiểm tra định kỳ để bảo đảm mọi phản ánh, khiếu kiện đều được ghi nhận và trả lời cho doanh nghiệp. Thanh tra Thành phố theo dõi, kiểm tra, đôn đốc tình hình triển khai thực hiện.

- Đề nghị các cơ quan Tư pháp của Thành phố (Toà án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Thi hành án dân sự) thực hiện có hiệu quả chương trình trọng tâm Công tác cải cách tư pháp của Ban chỉ đạo cải cách tư pháp. Nâng cao năng lực, trách nhiệm trong việc giải quyết tranh chấp của doanh nghiệp tại các cơ quan tư pháp. Đề nghị Thường trực HĐND Thành phố tăng cường kiểm tra, giám sát, thúc đẩy sự công khai, minh bạch, tiến bộ của các hoạt động tư pháp, đảm bảo mọi hoạt động tư pháp đều được thực hiện khách quan, công bằng theo đúng quy định của pháp luật, bảo vệ quyền, lợi ích của Nhà nước và nhân dân. Giao Sở Tư pháp theo dõi, báo cáo tình hình triển khai thực hiện.

### III. Tổ chức thực hiện

1. Giám đốc các sở, thủ trưởng các ban, ngành, Chủ tịch UBND các quận, huyện, thị xã căn cứ các nhiệm vụ được giao khẩn trương chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện tại đơn vị. Thủ trưởng các đơn vị chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND Thành phố về thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp liên quan đến đơn vị mình về cải thiện môi trường sản xuất kinh doanh và chỉ số PCI. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư đôn đốc, kiểm tra thực hiện.

2. Yêu cầu, tiến độ: Các đơn vị kiểm điểm, đánh giá kết quả triển khai nhiệm vụ năm 2013 về nâng cao chỉ số PCI, báo cáo UBND Thành phố, đồng thời gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 15/7/2013 đối với báo cáo 6 tháng đầu năm 2013; và trước ngày 15/01/2014 đối với báo cáo năm 2013. Trên cơ sở báo cáo của các đơn vị và báo cáo PCI năm 2013 của VCCI, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, báo cáo UBND Thành phố. /

#### Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Phòng TM&CN Việt Nam;
- TT TU, TT HĐND TP;
- Chủ tịch, các PCT UBND TP;
- Các sở, ban, ngành Thành phố;
- UBND các quận, huyện, thị xã;
- Các hiệp hội: DNHN, DNNVVHN;
- CVP, các PCVP, các phòng chuyên viên;
- Báo: HNM, KTĐT, Đài PT-TH Hà Nội;
- Lưu: VT, KH&ĐT, CTM.

(để báo cáo)



Nguyễn Văn Sửu



**PHỤ LỤC PHÂN CÔNG CÁC ĐƠN VỊ TRIỂN KHAI NHIỆM VỤ NÂNG CAO CHỈ SỐ PCI NĂM 2013**

(Ban hành kèm theo Chỉ thị số 13 /CT-UBND, ngày 19 tháng 6 năm 2013)

**Chỉ số thành phần 1: Chi phí gia nhập thị trường**

STT	Chỉ tiêu	Năm 2011		Năm 2012		Nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm năm 2013	Đơn vị chủ trì
		Giá trị	Xếp hạng	Giá trị	Xếp hạng		
	<b>Chỉ số thành phần 1: Gia nhập thị trường</b>	<b>8,97</b>	<b>14</b>	<b>8,93</b>	<b>31</b>		
1.1	Thời gian đăng ký kinh doanh - số ngày (Giá trị trung vị)	10	48	10	48	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiếp tục thực hiện tốt thời gian làm thủ tục đăng ký thành lập doanh nghiệp, cấp mã số thuế (5 ngày làm việc theo quy định).</li> <li>- Xây dựng thực hiện và hướng dẫn cụ thể theo hướng "cầm tay, chỉ việc" cho tổ chức, công dân khi làm thủ tục đăng ký kinh doanh, cấp mã số thuế và dấu.</li> <li>- Kiến nghị với Bộ KH&amp;ĐT để hoàn thiện phần mềm hệ thống thông tin đăng ký kinh doanh (ĐKKD) doanh nghiệp để thực hiện ĐKKD qua mạng, đơn giản hoá thủ tục ĐKKD</li> </ul>	Sở KH&ĐT - Thuế - Công An
1.2	Thời gian đăng ký kinh doanh bổ sung - số ngày (Giá trị trung vị)	10	61	7	57		
1.3	% DN cần thêm giấy phép kinh doanh khác	2,97%	4	4,4%	8	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Rà soát, bãi bỏ các giấy phép, giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh không cần thiết.</li> <li>- Rút ngắn nhất có thể thời gian thực hiện việc cấp giấy phép đăng ký sau giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sở Nội vụ kiểm tra, đôn đốc</li> <li>- Các sở, ngành, UBND quận, huyện, thị xã</li> </ul>
1.4	Tổng số giấy đăng ký và giấy phép cần thiết để chính thức hoạt động (Giá trị trung vị), kể cả giấy phép được yêu cầu bổ sung từ năm 2010	1,03	17	1	11		
1.5	Thời gian chờ đợi để được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất (Giá trị trung vị)	45	49	30	47	- Xây dựng và hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu và hồ sơ quản lý đất đai trên địa bàn Thành phố.	Sở TN&MT
						- Rà soát, cải tiến, rút ngắn thời gian cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.	Sở TN&MT; BQL KCN&CX; UBND các quận, huyện, thị xã
1.6	% DN phải chờ hơn một tháng để hoàn thành tất cả các thủ tục để bắt đầu hoạt động	13,27%	26	19,23%	45	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện các biện pháp nêu trên</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Các sở, ngành, UBND các quận, huyện, thị xã</li> </ul>
1.7	% DN phải chờ hơn ba tháng để hoàn thành tất cả các thủ tục để bắt đầu hoạt động	1,02%	17	1,92%	23		

**Chỉ số thành phần 2: Tiếp cận đất đai và sự ổn định trong sử dụng đất**

STT	Chỉ tiêu	Năm 2011		Năm 2012		Nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm năm 2013	Đơn vị chủ trì
		Giá trị	Xếp hạng	Giá trị	Xếp hạng		
	<b>Chỉ số thành phần 2: Tiếp cận đất đai và sự ổn định trong sử dụng đất</b>	<b>4,94</b>	<b>59</b>	<b>4,2</b>	<b>63</b>		
2.1	% DN có GCNQSD đất	51,56%	61	54,32%	63	- Đẩy nhanh tiến độ kế hoạch cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất UBND Thành phố giao - Tăng cường chỉ đạo kiểm tra và giao chỉ tiêu kế hoạch cấp Giấy đến từng xã, phường, thị trấn trong việc xét duyệt cấp Giấy, đẩy nhanh tiến độ cấp Giấy chứng nhận tại các xã, phường, thị trấn bảo đảm kịp thời, dứt điểm, không để kéo dài quá thời hạn quy định.	Sở TN&MT, UBND các quận, huyện, thị xã
2.2	Tỉ lệ diện tích đất trong tình có GCNQSD đất chính thức	64,64	51	66,87%	50		
2.3	DN đánh giá rủi ro bị thu hồi đất (1: rất cao đến 5: rất thấp)	2,56	52	2,84	21	- Thực hiện tốt quy định về đền bù giải phóng mặt bằng của Thành phố mới ban hành.	BCĐ GPMB; Sở TN&MT, Sở Tài chính, UBND quận, huyện, thị xã
2.4	Nều bị thu hồi đất, DN sẽ được bồi thường thỏa đáng (%luôn luôn hoặc thường xuyên)	33,33%	39	13%	63		
2.5	Sự thay đổi khung giá đất của tỉnh phù hợp với sự thay đổi giá thị trường (% đồng ý). <b>CHỈ TIÊU MỚI</b>	59,47%	49	36%	63	- Xây dựng và ban hành khung giá đất sát với giá thực tế trên thị trường.	Sở TN&MT, Sở Tài chính (Chủ trì); UBND quận, huyện, thị xã phối hợp
2.6	DN không gặp cản trở về mặt bằng kinh doanh. <b>CHỈ TIÊU MỚI</b>	26,02%	42	24%	45	- Hoàn thiện quy hoạch phân khu; Quy hoạch và Kế hoạch sử dụng đất. - Rà soát, thực hiện giải quyết thủ tục hành chính: quy hoạch, chấp thuận dự án đầu tư, chứng nhận đầu tư, giao và cho thuê đất, GPMB. - Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của CBCC và các cơ quan có liên quan	Sở TN&MT, Sở QHKT, Sở KH&ĐT, Sở Xây dựng, UBND các quận, huyện, thị xã
						- Khai thác tốt các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, tạo điều kiện thuận lợi về quỹ đất cho doanh nghiệp để sản xuất kinh doanh.	BQL KCN&CX UBND các quận, huyện, thị xã



**Chỉ số thành phần 3: Tính minh bạch và tiếp cận thông tin**

STT	Chỉ tiêu	Năm 2011		Năm 2012		Nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm năm 2013	Đơn vị chủ trì
		Giá trị	Xếp hạng	Giá trị	Xếp hạng		
	<b>Chỉ số thành phần 3: Tính minh bạch và tiếp cận thông tin</b>	<b>5,86</b>	<b>31</b>	<b>5,75</b>	<b>39</b>		
3.1	Tính minh bạch của các tài liệu kế hoạch	2,47	38	2,33	42	- Công khai 100% thông tin, tài liệu: các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, các quy hoạch; các văn bản quy phạm pháp luật của Thành phố, các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng mới, các chính sách ưu đãi đầu tư của Thành phố, ... - Công khai quy trình, thủ tục hành chính và các biểu mẫu hướng dẫn bằng nhiều hình thức: niêm yết tại trụ sở, đưa lên trên trang thông tin điện tử của đơn vị, của Thành phố. Các biểu mẫu hướng dẫn phải đúng quy định, đầy đủ, dễ thực hiện và thường xuyên được cập nhật.	Sở TT-TT, các sở, ngành, UBND quận, huyện, thị xã và Văn phòng UBND Thành phố
3.2	Tính minh bạch của các tài liệu pháp lý như quyết định, nghị định	2,87	52	2,84	33		
3.3	Cần có "mối quan hệ" để có được các tài liệu của tỉnh (%quan trọng hoặc rất quan trọng)	69,91%	21	52,14%	12		
3.4	Thương lượng với cán bộ thuế là phần thiết yếu trong hoạt động kinh doanh (%hoàn toàn đồng ý hoặc đồng ý)	43,92%	41	40,00%	33	- Tiếp tục triển khai mở rộng một số đề án, dự án quản lý thuế hiện đại như triển khai mở rộng dự án Kê khai thuế qua mạng Internet, dự án nộp thuế qua ngân hàng, triển khai dự án nộp thuế điện tử. - Tăng cường công tác tuyên truyền, hỗ trợ và cung cấp dịch vụ cho người nộp thuế. Nâng cao năng lực hoạt động thanh tra, kiểm tra, giám sát tuân thủ pháp luật của người nộp thuế. - Xây dựng đội ngũ cán bộ có đầy đủ năng lực, kiến thức chuyên môn, kỹ năng thành thạo, tận tâm trong công việc và thân thiện với người nộp thuế.	Cục Thuế
3.5	Khả năng có thể dự đoán được trong thực thi pháp luật của tỉnh (%luôn luôn hoặc thường xuyên)	9,70%	21	6,28%	38	- Tăng tính hữu ích của trang web Hanoiportal và website của các các sở, ngành trong công khai minh bạch các loại thông tin, tài liệu.	Sở TT-TT, các sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện, thị xã
3.6	Độ mở của trang web của tỉnh	17	6	15	16		
3.7	Các Hiệp hội doanh nghiệp đóng vai trò quan trọng trong tư vấn và phân biện các chính sách của tỉnh (% quan trọng hoặc rất quan trọng)** <b>CHỈ TIÊU MỚI</b>	28%	44	31,82%	32	- Các sở, ban, ngành là cơ quan chủ trì xây dựng cơ chế, chính sách phối hợp với các hiệp hội doanh nghiệp lấy ý kiến doanh nghiệp bằng hình thức phù hợp trong việc tham gia xây dựng cơ chế, chính sách của Thành phố.	Sở, ban, ngành được giao nhiệm vụ xây dựng cơ chế, chính sách

**Chỉ số thành phần 4: Chi phí thời gian để thực hiện các quy định của Nhà nước**

STT	Chỉ tiêu	Năm 2011		Năm 2012		Nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm năm 2013	Đơn vị chủ trì
		Giá trị	Xếp hạng	Giá trị	Xếp hạng		
	<b>Chỉ số thành phần 4: Chi phí thời gian để thực hiện các quy định của Nhà nước</b>	<b>5,47</b>	<b>57</b>	<b>4,75</b>	<b>54</b>		
4.1	% DN sử dụng hơn 10% quỹ thời gian để thực hiện các quy định của Nhà nước	17,92%	55	9,30%	16	<p>- Tất cả các sở, ban ngành và UBND quận, huyện, thị xã rà soát, xây dựng, sửa đổi quy trình để giảm thiểu các quy trình, thủ tục không cần thiết.</p> <p>- Tăng cường công tác cải cách hành chính; sự phối hợp giữa các cấp, các ngành. Thực hiện tốt mô hình một cửa, một cửa liên thông.</p> <p>- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành, giải quyết thủ tục hành chính. Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO vào hoạt động của tất cả các cơ quan.</p> <p>- Tiếp tục triển khai mở rộng một số đề án, dự án quản lý thuế hiện đại như triển khai mở rộng dự án Kê khai thuế qua mạng Internet, dự án nộp thuế qua ngân hàng, triển khai dự án nộp thuế điện tử.</p>	Sở Nội vụ (theo dõi, đôn đốc, kiểm tra), Cục Thuế, Cục Hải quan và các sở, ban, ngành. UBND các quận, huyện, thị xã
4.2	Số cuộc thanh tra trung vị (tất cả các cơ quan)	1	1	0,00	1		
4.3	Số giờ trung vị làm việc với thanh tra thuế	2	19	3,00	23		
4.4	Các cán bộ nhà nước làm việc hiệu quả hơn sau khi thực hiện Cải cách hành chính công (CCHCC) (% Có) <b>CHỈ TIÊU MỚI</b>	21,17%	62	15,56%	62		
4.5	Số lần đi xin dấu và xin chữ ký của doanh nghiệp giảm sau khi thực hiện CCHCC (% Có) <b>CHỈ TIÊU MỚI</b>	9,69%	62	14,79%	55		
4.6	Thủ tục giấy tờ giảm sau khi thực hiện CCHCC (% Có) <b>CHỈ TIÊU MỚI</b>	36,22%	58	28,40%	57		
4.7	Các loại phí, lệ phí của nhiều thủ tục giảm sau khi thực hiện CCHCC (% Có) <b>CHỈ TIÊU MỚI</b>	15,31%	44	5,06%	63		
4.8	Không có bất kỳ sự thay đổi nào sau khi thực hiện CCHCC (% Có) <b>CHỈ TIÊU MỚI</b>	36,22%	57	54,09%	62		

**Chỉ số thành phần 5: Chi phí không chính thức**

STT	Chỉ tiêu	Năm 2011		Năm 2012		Nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm năm 2013	Đơn vị chủ trì
		Giá trị	Xếp hạng	Giá trị	Xếp hạng		
	<b>Chỉ số thành phần 5: Chi phí không chính thức</b>	<b>5,89</b>	<b>50</b>	<b>5,50</b>	<b>56</b>		
5.1	% DN cho rằng các DN cùng ngành trả chi phí không chính thức.	69,94%	56	63,45%	52	- Nâng cao tinh thần trách nhiệm, ý thức thực thi công vụ của đội ngũ CBCC trong việc tiếp xúc, giải quyết công việc liên quan đến tổ chức, công dân.  - Tăng cường công tác thanh tra công vụ trong mỗi đơn vị.  - Xử lý nghiêm những cá nhân, đơn vị và địa phương tùy tiện đặt ra các quy định trái pháp luật, thẩm quyền. Kiên quyết xử lý những hành vi kéo dài thời gian giải quyết hồ sơ, gây phiền hà, những nhiễu đối với nhân dân và doanh nghiệp.  - Thực hiện có hiệu quả các chương trình, kế hoạch phòng, chống tham nhũng.	Sở Nội vụ theo dõi, đơn đốc, kiểm tra  Thanh tra Thành phố, BCD PCTN; các sở, ban, ngành và UBND các quận, huyện, thị xã
5.2	% DN phải chi hơn 10% doanh thu cho các loại chi phí không chính thức	7,18%	35	4,46%	21		
5,3	Những nhiều khi giải quyết thủ tục cho doanh nghiệp là phổ biến( % đồng ý hoặc hoàn toàn đồng ý)			68,27%	62		
5,4	Chính quyền tỉnh sử dụng các quy định riêng của địa phương để trục lợi (% Đồng ý hoặc Hoàn toàn đồng ý)	65,07%	61	68,27%	62		
5,5	Công việc được giải quyết sau khi đã trả chi phí không chính thức (% luôn luôn hoặc thường xuyên)	77,59%	57	58,82%	29		
5,6	DN trả hoa hồng để có được hợp đồng từ các cơ quan nhà nước (% Đúng)	54,39%	28	40,87%	37		
5,7	Doanh nghiệp chi trả chi phí không chính thức khi xin giấy phép kinh doanh	45,02%	56	37,75%	52		

**Chỉ số thành phần 6: Tính năng động và tiên phong của lãnh đạo tỉnh**

STT	Chỉ tiêu	Năm 2011		Năm 2012		Nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm năm 2013	Đơn vị chủ trì
		Giá trị	Xếp hạng	Giá trị	Xếp hạng		
	<b>Chỉ số thành phần 6: Tính năng động và tiên phong của Lãnh đạo tỉnh, thành phố</b>	<b>3,53</b>	<b>54</b>	<b>2,32</b>	<b>61</b>		
6.1	Cán bộ tỉnh nắm vững các chính sách, quy định hiện hành trong khung khổ pháp luật để giải quyết khó khăn, vướng mắc cho DN (% Đồng ý hoặc Hoàn toàn đồng ý)	61,02%	41	44,09%	59	- Tổ chức Hội nghị quán triệt, triển khai thực hiện Kế hoạch nâng cao chỉ số PCI đến tất cả các sở, ngành, quận, huyện, thị xã để nâng cao nhận thức, trách nhiệm, sự năng động, sáng tạo và tiên phong của lãnh đạo các cấp chính quyền và đội ngũ cán bộ công chức trong việc hỗ trợ doanh nghiệp. - Thường xuyên bồi dưỡng, đào tạo CBCC nắm vững các chính sách, quy định hiện hành trong khung khổ pháp luật để vận dụng giải quyết khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp được kịp thời, hiệu quả. - Tiếp tục duy trì và phát huy có hiệu quả hơn nữa mô hình “Tổ công tác liên ngành” trong giải quyết các vướng mắc, khó khăn của doanh nghiệp. - Lãnh đạo thành phố, các sở, ngành, quận, huyện, thị xã định kỳ tổ chức đối thoại với doanh nghiệp bằng nhiều hình thức: tổ chức Hội nghị, giao lưu trực tuyến, diễn đàn trao đổi giữa lãnh đạo Thành phố với các Hiệp hội. Qua đó xử lý kịp thời những khó khăn, vướng mắc trong quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.	Sở KH&ĐT chủ trì cùng các sở, ban, ngành. UBND các quận, huyện, thị xã
6.2	Tinh sáng tạo và sáng suốt trong việc giải quyết những trở ngại đối với cộng đồng doanh nghiệp tư nhân (% Đồng ý hoặc Hoàn toàn đồng ý).	43,24%	38	34,78%	53		
6.3	Cảm nhận của DN về thái độ của chính quyền tỉnh đối với khu vực tư nhân (% Tích cực hoặc Rất tích cực).	31,75%	59	27,66%	62		

**Chỉ số thành phần 7: Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp**

STT	Chỉ tiêu	Năm 2011		Năm 2012		Nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm năm 2013	Đơn vị chủ trì
		Giá trị	Xếp hạng	Giá trị	Xếp hạng		
	<b>Chỉ số thành phần 7: Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp</b>	7,26	1	4,69	10	- Triển khai các cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy sản xuất kinh doanh cho các doanh nghiệp: Hỗ trợ thị trường, giải quyết hàng tồn kho; Hỗ trợ vay vốn, lãi suất; thực hiện các chính sách dân hoàn các khoản thuế theo Nghị quyết của Chính phủ, Thông tư của Bộ Tài chính; tháo gỡ thị trường bất động sản trên địa bàn Thành phố.	Sở KH&ĐT, Sở Công thương, Sở Tài chính, Cục thuế, Cục Hải quan, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường Ngân hàng Nhà nước – Chi nhánh thành phố Hà Nội, Ban quản lý Khu công nghiệp và chế xuất, Quỹ Đầu tư phát triển, Hiệp hội doanh nghiệp Hà Nội, Hiệp hội doanh nghiệp nhỏ và vừa Hà Nội
7.1	Số hội chợ thương mại do tỉnh tổ chức trong năm trước hoặc đăng ký tổ chức cho năm nay **	20	1	20	1	- Thực hiện việc tổ chức các hội chợ thương mại theo Kế hoạch đã được phê duyệt	Sở Công thương
7.2	Số lượng các nhà cung cấp dịch vụ công là tư nhân trong tỉnh **	502	2	552	2		
7.3	Doanh nghiệp đã sử dụng dịch vụ tìm kiếm thông tin kinh doanh (%) <b>CHỈ TIÊU MỚI</b>	60,23%	13	25,36%	57		
7.4	Doanh nghiệp đã sử dụng nhà cung cấp dịch vụ tư nhân cho dịch vụ tìm kiếm thông tin kinh doanh trên (%) <b>CHỈ TIÊU MỚI</b>	73,30%	2	50,94%	4		
7.5	Doanh nghiệp có ý định tiếp tục sử dụng nhà cung cấp dịch vụ tư nhân trên cho dịch vụ tìm kiếm thông tin kinh doanh (%) <b>CHỈ TIÊU MỚI</b>	49,41%	41	20,09%	40		
7.6	Doanh nghiệp đã sử dụng dịch vụ tư vấn về thông tin pháp luật (%) <b>CHỈ TIÊU MỚI</b>	60,53%	13	31,28%	49		
7.7	Doanh nghiệp đã sử dụng nhà cung cấp dịch vụ tư nhân cho dịch vụ tư vấn về thông tin pháp luật (%) <b>CHỈ TIÊU MỚI</b>	69,08%	1	50,00%	1		
7.8	Doanh nghiệp có ý định tiếp tục sử dụng nhà cung cấp dịch vụ tư nhân trên cho dịch vụ tư vấn về thông tin pháp luật (%) <b>CHỈ TIÊU MỚI</b>	43,58%	33	18,03%	34		
7.9	Doanh nghiệp đã sử dụng dịch vụ hỗ trợ tìm đối tác kinh doanh (%) <b>CHỈ TIÊU MỚI</b>	58,05%	8	26,67%	42		
7.10	Doanh nghiệp đã sử dụng nhà cung cấp dịch vụ tư nhân cho dịch vụ hỗ trợ tìm đối tác kinh doanh (%) <b>CHỈ TIÊU MỚI</b>	74,87%	2	55,36%	11		

STT	Chỉ tiêu	Năm 2011		Năm 2012		Nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm năm 2013	Đơn vị chủ trì
		Giá trị	Xếp hạng	Giá trị	Xếp hạng		
7.11	Doanh nghiệp có ý định tiếp tục sử dụng nhà cung cấp dịch vụ tư nhân trên cho dịch vụ hỗ trợ tìm đối tác kinh doanh (%) CHỈ TIÊU MỚI	39,37%	29	16,60%	29		
7.12	DN đã sử dụng dịch vụ xúc tiến thương mại (%) CHỈ TIÊU MỚI	55,11%	9	17,82%	55	- Nâng cao chất lượng các hoạt động xúc tiến thương mại nhằm tăng cường khả năng xuất khẩu và mở rộng thị trường trong nước	Sở Công thương
7.13	Doanh nghiệp đã sử dụng nhà cung cấp dịch vụ tư nhân cho dịch vụ xúc tiến thương mại (%) CHỈ TIÊU MỚI	63,48%	4	33,33%	14		
7.14	Doanh nghiệp có ý định tiếp tục sử dụng nhà cung cấp dịch vụ tư nhân trên cho dịch vụ xúc tiến thương mại (%) CHỈ TIÊU MỚI	21,17%	7	11,28%	24		
7.15	DN đã sử dụng các dịch vụ liên quan đến công nghệ (%) CHỈ TIÊU MỚI	56,33%	7	21,36%	49		
7.16	Doanh nghiệp đã sử dụng nhà cung cấp dịch vụ tư nhân cho các dịch vụ liên quan đến công nghệ (%) CHỈ TIÊU MỚI	76,97%	3	54,55%	6		
7.17	Doanh nghiệp có ý định tiếp tục sử dụng nhà cung cấp dịch vụ tư nhân trên cho các dịch vụ liên quan đến công nghệ (%) CHỈ TIÊU MỚI	29,53%	19	10,12%	30		

**Chỉ số thành phần 8: Đào tạo lao động**

STT	Chỉ tiêu	Năm 2011		Năm 2012		Nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm năm 2013	Đơn vị chủ trì
		Giá trị	Xếp hạng	Giá trị	Xếp hạng		
	<b>Chỉ số thành phần 8: Đào tạo lao động</b>	<b>5,32</b>	<b>8</b>	<b>6,12</b>	<b>1</b>		
8.1	Dịch vụ do các cơ quan Nhà nước tại địa phương cung cấp: Giáo dục phổ thông (% Tốt hoặc Rất tốt)	54,08%	26	69%	7	- Tăng cường công tác quản lý nhà nước, nâng cao chất lượng giáo dục đực phổ thông - đào tạo nghề.	Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND các quận, huyện, thị xã
8.2	Dịch vụ do các cơ quan Nhà nước tại địa phương cung cấp: Dạy nghề (% Tốt hoặc Rất tốt)	45,07%	11	58%	7	- Rà soát, nâng cao chất lượng các cơ sở đào tạo nghề.	Sở Lao động - Thương binh - xã hội, các trường Cao đẳng nghề
8.3	DN đã sử dụng dịch vụ tuyển dụng và giới thiệu việc làm (%) <b>CHỈ TIÊU MỚI</b>	63,78%	14	24%	50	- Vận hành hiệu quả hệ thống thông tin thị trường lao động. - Nâng cao hiệu quả hoạt động của Trung tâm giới thiệu việc làm và Sàn giao dịch việc làm. - Phát triển website "vieclamhanoi.net", tạo điều kiện để các doanh nghiệp tra cứu thông tin việc làm trực tuyến rộng rãi, miễn phí các thông tin tuyển dụng cho người lao động.	Sở Lao động - Thương binh - xã hội (chủ trì), UBND quận, huyện, thị xã
8.4	DN đã sử dụng dịch vụ giới thiệu việc làm nói trên của nhà cung cấp dịch vụ tư nhân (%) <b>CHỈ</b>	58,40%	2	30%	6		
8.5	DN có ý định sẽ sử dụng lại nhà cung cấp dịch vụ nói trên cho dịch vụ giới thiệu việc làm (%)	32,80%	17	31%	3		
8.6	% tổng chi phí kinh doanh dành cho đào tạo lao động.	2	2	3,10%	46		
8.7	% tổng chi phí kinh doanh cho tuyển dụng lao động	1	2	2,11%	58		
8.8	% DN hài lòng với chất lượng lao động	65,56%	50	98%	6		
8.9	Số lượng học viên tốt nghiệp trường đào tạo nghề/số lao động chưa qua đào tạo. <b>CHỈ TIÊU MỚI</b>	0,08	8	13,89%	2		
8.10	Số lao động tốt nghiệp THCS (% tổng lực lượng lao động). <b>CHỈ TIÊU MỚI</b>	10,7%	7	11,93%	7		

**Chỉ số thành phần 9: Thiết chế pháp lý**

STT	Chỉ tiêu	Năm 2011		Năm 2012		Nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm năm 2013	Đơn vị chủ trì
		Giá trị	Xếp hạng	Giá trị	Xếp hạng		
	<b>Chỉ số thành phần 9: Thiết chế pháp lý</b>	<b>5,80</b>	<b>34</b>	<b>2,70</b>	<b>56</b>		
9.1	Hệ thống tư pháp cho phép các doanh nghiệp tố cáo hành vi tham nhũng của các công chức (% luôn luôn hoặc thường xuyên)	34,82%	36	11,67%	62	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nâng cao chất lượng văn bản quy phạm pháp luật của UBND, HĐND thành phố.</li> <li>- Quan tâm củng cố, kiện toàn tổ chức, hoạt động của đội ngũ cán bộ làm công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo theo hướng chuyên nghiệp, ổn định; thường xuyên đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ và có chính sách đãi ngộ phù hợp.</li> <li>- Có cơ chế giám sát và kiểm tra định kỳ để bảo đảm mọi phản ánh, khiếu kiện đều được ghi nhận và trả lời cho doanh nghiệp.</li> </ul>	Các cơ quan tư pháp (toà án, viện kiểm sát, thi hành án); Sở Tư pháp, Thanh tra TP, BCĐ Phòng Chống tham nhũng; các sở, ngành, quận, huyện (trong việc giải quyết khiếu nại, tố cáo)
9.2	Doanh nghiệp tin tưởng và khả năng bảo vệ của pháp luật (bản quyền hoặc thực thi hợp đồng (% Đồng ý hoặc Hoàn toàn đồng ý)	83,13%	44	43,97%	62	- Thực hiện có hiệu quả chương trình trọng tâm Công tác cải cách tư pháp của Ban chỉ đạo cải cách tư pháp.	Sở Tư pháp và các cơ quan Tư pháp cấp Thành phố và Quận, huyện, thị xã
9.3	Số lượng vụ việc tranh chấp của các doanh nghiệp ngoài quốc doanh do Tòa án kinh tế cấp tỉnh thụ lý trên 100 doanh nghiệp	1,11	41	1,05	39	- Nâng cao năng lực, trách nhiệm trong việc giải quyết tranh chấp của doanh nghiệp tại các cơ quan tư pháp (Toà án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, thi hành án dân sự)	
9.4	Tỉ lệ % nguyên đơn không thuộc nhà nước trên tổng số nguyên đơn tại Toàn án kinh tế tỉnh	80,66%	34	88,58%	35	- Đàng đoàn Hội đồng nhân dân Thành phố có kế hoạch tăng cường kiểm tra, giám sát, thúc đẩy sự công khai, minh bạch, tiến bộ của các hoạt động tư pháp, đảm bảo mọi hoạt động tư pháp đều được thực hiện khách quan, công bằng theo đúng quy định của pháp luật, bảo vệ quyền, lợi ích của Nhà nước và nhân dân.	
9.5	Doanh nghiệp sử dụng tòa án hoặc các thiết chế pháp lý khác để giải quyết tranh chấp (%) <b>CHỈ TIÊU MỚI</b>	10,64%	50	29,41%	25		
9.6	Số tháng trung vị để giải quyết tại tòa			4,096	33		
9.7	% Chi phí (chính thức và không chính thức) để giải quyết tranh chấp trong tổng giá trị tranh chấp <b>CHỈ TIÊU MỚI</b>	14,11	34	17,05%	40		